TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1035/2020/HNGĐ-ST
Ngày 07 – 8 – 2020
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Nguyễn Công Khả

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Lâm Thị Hoàng Oanh

2/ Bà Nguyễn Thị Nhơn

Thư ký phiên toà: bà Nguyễn Thị Thu Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thúy Lan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 8 năm 2020, tại Phòng xử án Toà án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 203/2020/TLST-HNGĐ ngày 20/02/2020, về việc: "*Ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 226/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23/7/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Vũ Thị Ngọc D; sinh năm:1986; địa chỉ: 267/1 đường A, Phường B, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh; (có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: ông Trương Minh T; sinh năm:1981; địa chỉ: 6/12 đường C, Phường D, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/02/2020, bản tự khai ngày 19/3/2020 tại Tòa án thì nguyên đơn bà Vũ Thị Ngọc D trình bày:

Bà và ông Trương Minh T tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn ngày 09 tháng 9 năm 2009 tại Uỷ ban nhân dân Phường D quận Bình Thạnh, theo giấy kết hôn số: 43, quyển số 01. Bà và ông T có 07 năm đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau này phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng không đồng quan điểm về tài chính gia đình dẫn đến xích mích cãi vã. Mâu thuẫn trầm trọng khiến bà phải ôm con về nhà mẹ ruột ở

quận Tân Bình sinh sống. Bà và ông T đã ly thân từ tháng 10/2019 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, bà đề nghị ly hôn với ông Trương Minh T.

- Về con chung: quá trình chung sống, bà D và ông T có 03 con chung tên Trương Minh H sinh ngày 10/5/2011; Trương Anh K sinh ngày 19/9/2014 và Trương Anh T sinh ngày 23/9/2017. Bà D đề nghị 03 nuôi con và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi mỗi con số tiền 3.000.000 đồng/ tháng.

- Về tài sản chung: không có.

- Về nợ chung: không có.

Theo bản tự khai các ngày 05/6/2020, 15/7/2020 tại Tòa án thì bị đơn ông Trương Minh T trình bày:

Ông thừa nhận ông và bà Vũ Thị Ngọc D đăng ký kết hôn và chung sống như bà D trình bày. Ông T đồng ý ly hôn và đồng ý giao 03 con chung tên Trương Minh H; Trương Anh K và Trương Anh T cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T đồng ý cấp dưỡng nuôi mỗi con số tiền 3.000.000 đồng/ tháng.

Theo bản tự khai ngày 19/3/2020 tại Tòa án thì trẻ Trương Minh H trình bày:

Trong trường hợp bố mẹ ly hôn, trẻ Trương Minh H mong muốn được sống cùng với mẹ là bà Vũ Thị Ngọc D.

Tại phiên tòa**,** các đương sự vắng mặt nên không trình bày ý kiến.

Tại phiên Tòa, đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

1. Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự quy định tại các Điều 70, Điều 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 15, 56, 81, 107, 108, 110 và 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: chấp nhận yêu ly hôn của bà Vũ Thị Ngọc D; chấp nhận yêu cầu trực tiếp nuôi con sau ly hôn của bà Vũ Thị Ngọc D; giao 03 con chung tên Trương Minh H; Trương Anh K và Trương Anh T cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con số tiền 3.000.000 đồng/ tháng

Về án phí sơ thẩm: Ông Trương Minh T, bà Vũ Thị Ngọc D phải đóng án phí theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ngày 05/02/2020, nguyên đơn bà Vũ Thị Ngọc D nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông Trương Minh T. Đây là quan hệ tranh chấp về việc "Ly hôn". Bị đơn ông Trương Minh T hiện đang cư trú tại 6/12 đường C, Phường D, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh. Do đó, Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] *Về thủ tục tố tụng*:

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, kèm Giấy triệu tập đương sự tham gia phiên tòa cho các đương sự, tuy nhiên nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] *Về các yêu cầu của đương sự:*

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Vũ Thị Ngọc D và ông Trương Minh T chung sống với nhau từ năm 2009 và đã đăng ký kết hôn ngày 09 tháng 9 năm 2009 tại Uỷ ban nhân dân Phường 14 quận Bình Thạnh, theo giấy kết hôn số: 43, quyển số 01, do đó đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn và biên bản không tiến hành hòa giải được nhận thấy: Việc mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa bà D và ông T là có căn cứ do hai bên không có sự tin tưởng và chăm sóc lẫn nhau.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T nhiều lần vắng mặt mặc dù được tống đạt hợp lệ. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, ông T và bà Dung không tiếp xúc gặp gỡ, hai bên vắng mặt trong buổi hòa giải tại Tòa án để hàn gắn đã thể hiện việc không thực sự nỗ lực và không mong muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân. Nguyên nhân mâu thuẫn theo nguyên đơn trình bày là do kinh tế gia đình, hai bên đã sống ly thân từ tháng 10/2019 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về con chung: hai bên có 03 con chung tên Trương Minh H sinh ngày 10/5/2011; Trương Anh K sinh ngày 19/9/2014 và Trương Anh Tsinh ngày 23/9/2017. Xét thấy, bà D đề nghị 03 nuôi con và yêu cầu ông Tcấp dưỡng nuôi mỗi con số tiền 3.000.000 đồng/ tháng. Ông T đồng ý giao 03 con cho bà D nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng cho các con như bà D yêu cầu. Trẻ Trương Minh H cũng có nguyện vọng sống cùng mẹ. Hội đồng xét xử nhận

thấy, việc thỏa thuận nuôi con của các đương sự không trái với quy định pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của con cũng như tình hình thực tế là các trẻ đang sống với mẹ tại nhà ngoại ổn định. Ngoài ra, bà đã chứng minh tình hình tài chính của mình đảm bảo lo cho các con thông qua sao kê tài khoản ngày 09/6/2020 tại ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

Do đó căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy giao trẻ Trương Minh H; Trương Anh K và Trương Anh T cho bà Vũ Thị Ngọc D trực tiếp nuôi dưỡng sẽ đảm bảo việc phát triển bình thường về tâm sinh lí của các trẻ. Về cấp dưỡng nuôi con, ông Tuấn cấp dưỡng nuôi mỗi trẻ số tiền 3.000.000 đồng/tháng là phù hợp nên có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: nguyên đơn, bị đơn xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí: căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu nộp, miễn giảm, miễn nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án thì nguyên đơn, bị đơn mỗi bên phải chịu án phí DSST với số tiền là 300.000 đồng theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Vũ Thị Ngọc D

- Về quan hệ hôn nhân: bà Vũ Thị Ngọc D được ly hôn với ông Trương Minh T.

- Về con chung: giao trẻ Trương Minh H sinh ngày 10/5/2011; Trương Anh K sinh ngày 19/9/2014 và Trương Anh T sinh ngày 23/9/2017 cho bà Vũ Thị Ngọc D trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trương Minh T cấp dưỡng nuôi mỗi trẻ số tiền 3.000.000 đồng/ tháng cho đến khi lần lượt từng trẻ thành niên hoặc có sự thay đổi về người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trương Minh T được quyền thăm nom con, chăm sóc và có nghĩa vụ giáo dục con chung.Vì lợi ích của con, khi có lí do chính đáng thì một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu toà án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: hai bên xác nhận không có.

- Nợ chung: hai bên xác nhận không có.

2.Về án phí:

Bà Vũ Thị Ngọc D phải nộp tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà Dung đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0017680 ngày 18/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh. Bà Vũ Thị Ngọc D đã nộp đủ án phí.

Ông Trương Minh T phải nộp tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3.Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- Đương sự;
- UBND Phường 14, Q. Bình Thạnh;
- Lưu : VT, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Công Khả

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Khả